TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HS-ST
Ngày 13 - 7 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.
*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Phạm Văn Độ
Bà Đoàn Thị Dịu

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2018/TLST- HS ngày 12 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo:

Phạm Đình G - Sinh năm: 1987, tại Nam Định.

Nơi đăng ký HKTT: xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Trú tại: Xóm 1, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn T (Đã chết); Con bà: Vũ Thị H; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/8/2014 bị TAND huyện Trực Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

- Ngày 02/02/2016 bị Công an Thành phố Nam Định bắt, khởi tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 04/8/2016, TAND Thành phố Nam Định tuyên miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và ra quyết định trả tự do tại tòa.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/4/2018 đến nay. Có mặt.

Bị hại: 1. Anh Phạm Văn L - Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Xóm 1, Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

Người đại diện của anh Phạm Văn L: Chị Vũ Thị H - Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Xóm 1, Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Là vợ anh L - Có mặt.

2. Chị Đỗ Thị T - Sinh năm 1993.
Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đình G là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên bỏ nhà đi lang thang. Khoảng 09 giờ ngày 25/3/2018, G đi về nhà thì thấy cửa ra vào nhà đã khóa, G tìm chìa khóa để vào nhà nhưng không thấy. G thấy trong bếp có 01 đoạn gậy tre, G đứng ở sân luồn đoạn gậy tre qua song cửa sổ của gian phòng lồi phía Đông đẩy then cài của cửa lách thì mở được. G đi vào trong nhà thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 18E1-056.00 của anh L (là anh trai G) dựng trong nhà. G lục tìm được chìa khóa phụ xe của anh L rồi dắt xe máy xuống sân rồi đi đến nhà Phạm Văn D - SN: 1983 ở TDP H, TT C. Gặp D, G nhờ vay tiền của bố D và để xe máy lại. D có hỏi G xe của ai thì G nói xe của anh trai G, G mượn để đi lại. D bảo G vào nhà gặp ông Phạm Văn N là bố D. Gặp ông N, G nói: "Ông có tiền cho con mượn con tiêu, con để lại chiếc xe máy này làm tin, một vài hôm nữa con xuống con lấy con trả tiền ông". Ông N đồng ý và lấy 1.800.000 đồng đưa cho G. G nhận tiền, để lại chiếc xe máy BKS: 18E1-056.00 rồi ra về. Số tiền 1.800.000 đồng G đã sử dụng hết.

Ngày 31/3/2018, cơ quan CSĐT - Công an huyện Trực Ninh đã tạm giữ chiếc xe máy Sirius BKS 18E1-056.00 do ông Phạm Văn N giao nộp. Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Trực Ninh định giá xác định chiếc xe nêu trên có trị giá là 10.000.000đ.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, Phạm Đình G còn thực hiện hành vi trộm cắp khác:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/3/2018, G đi xe đạp từ nhà ra thị trấn Cổ Lễ để tìm cửa hàng cầm đồ để cầm cố xe đạp nhưng không được. Đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, G đi xe đạp theo đường QL21B về nhà. Khi đi đến khu vực tổ dân phố Đ, thị trấn Cổ Lễ, G phát hiện trước cửa nhà chị Nguyễn Hằng N ở số nhà 54B, đường QL21B, tổ dân phố Đ, TT C có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click BKS 29L1 - 470.17 của chị Đỗ Thị T vừa đi đến nhà chị N chơi. Xe còn cắm chìa khóa trên ổ khóa điện không có người trông coi. G nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe máy này. Khi đi qua chiếc xe máy khoảng 10m, G để xe đạp vào gốc cây ven đường rồi đi bộ đến chiếc xe máy, ngồi lên xe, nổ máy phóng chạy về phía cầu Điện Biên. Nghe tiếng xe máy nổ chị T và chị N đi ra phát hiện mất xe, chạy đuổi theo tri hô nhưng không đuổi được G.

G đi xe về nghĩa trang thôn Đông Thượng, xã Trung Đông thì dừng xe, mở cốp xe máy lục tìm trong cốp thấy có 01 chiếc áo mưa và 01 ví da phụ nữ bên trong có 01 chiếc đăng ký xe máy của một xe máy khác, 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh thư mang tên bà Lương Thị B là mẹ chị T. G cất chiếc ví da cùng các

loại giấy tờ trên vào trong cốp xe rồi đi về nhà, thay quần áo, đi xe máy trộm cắp được xuống bãi biển Quất Lâm, huyện Giao Thủy ngủ.

Khoảng 10 giờ ngày 21/3/2018 G đi xe máy về nhà Cao Văn H – SN: 1993 ở thôn 16, xã T chơi. Lúc sau có Phan Văn L – SN: 1991 ở TDP H, TT C đến nhà H chơi. H, L hỏi G về chiếc xe G nói xe của em gái. Khoảng 11 giờ cùng ngày, G đi xe máy trộm cắp được đến nhà Phạm Văn D ở tổ dân phố H, thị trấn C hỏi D về nơi cầm cố xe. D nói không biết và hỏi G về giấy tờ xe, G nói là xe của em gái, giấy tờ để ở nhà rồi bảo D vay tiền giúp mình. D dẫn G vào trong nhà gặp ông Phạm Văn N hỏi ông N vay tiền cho G. Ông N đồng ý và đưa cho G 1.000.000 đồng. G nhận tiền, để xe máy BKS: 29L1 - 470.17 ở nhà ông N rồi đi về nhà H chơi.

Đến 8 giờ ngày 22/3/2018, L và H đi đến nhà G. Theo G khai, tại đây, G bảo L và H cùng nhau đi đến nhà D lấy xe máy BKS: 29L1 - 470.17 đem đi bán lấy tiền ăn tiêu. Thấy G nói vậy, L bảo G bán lại xe cho L. G bảo L là xe lấy trộm, không có giấy tờ và nói nếu L mua, G bán 1,5 triệu đồng, L vẫn mua và nói sẽ trả G hai triệu. L cũng hỏi G xe trộm cắp ở đâu. G có nói xe lấy ở TT C, gần cầu Đ.

Theo L khai: L gặp G tại nhà H. Khi G nói bán xe máy là xe của em gái G, em gái G có xe máy mới rồi nên muốn bán nên L trả 2 triệu. Sau đó, G và H đi đến nhà D để lấy xe. L đi về nhà mình ở tổ dân phố H, thị trấn C gặp vợ là Đỗ Thị N lấy tiền mua xe máy của G. L bảo chị N mua xe máy của G về đưa cho chị dâu mình là Lê Thị X – SN: 1978 ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa sử dụng. Do chưa nhìn thấy xe nên chị N không đồng ý mua. L đến gặp G nói G lấy xe máy đưa về cho chị N xem. G đến nhà D nói lấy xe bán, D dẫn G vào nhà gặp ông N, Ông N đồng ý đưa xe máy BKS: 29L1 - 470.17 cho G và bảo D đi theo lấy số tiền 1.000.000 đồng. G đi xe máy này cùng L về nhà L. Trên đường đi, L dặn G nếu vợ L có hỏi xe có giấy tờ không thì cứ bảo là có. Tại nhà L, chị N đồng ý mua và yêu cầu G viết giấy mua bán. Trong khi viết giấy mua bán, chị N hỏi G giấy tờ xe. G trả lời có giấy tờ rồi rút trong ví da của mình 01 đăng ký xe máy lấy trộm được trong xe của chị T đưa cho L mục đích để chị N tin là thật. Chị N lấy 2.000.000 đồng trả cho G, G nhận tiền rồi cùng L đi về nhà H. G đưa cho D 1.000.000 đồng để trả cho ông N, số tiền còn lại cùng 1.000.000 đồng trước đó G sử dụng hết.

Đến chiều cùng ngày, L đi xe máy mua của G đến nhà chị X chơi. Tại đây, G bảo chị X mua xe máy, chị X hỏi xe có giấy tờ không. L nói không có giấy tờ nhưng có giấy tờ mua bán. Chị X đồng ý mua chiếc xe máy BKS: 29L1 - 470.17 nhưng chưa trả tiền cho vợ chồng L.

Ngày 01/4/2018, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Trực Ninh đã thu giữ chiếc xe máy Honda Click BKS: 29L1 - 470.17 do chị Lê Thị X tự nguyện giao nộp. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trực Ninh định giá xác định chiếc xe máy này có trị giá là 11.000.000 đồng.

Ngoài ra, Phạm Đình G còn khai nhận: Sáng một ngày cuối tháng 3/2018, sau khi ngủ dậy ở bãi biển Quất Lâm, huyện Giao Thủy, G đi bộ theo đường tỉnh lộ 51B từ thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy về nhà. Khi đi qua đoạn đường thuộc địa phận

huyện Hải Hậu, G đã trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, không có biển số (xe do Trung Quốc sản xuất) rồi đem bán cho một người tên Đ ở xã L, huyện T lấy 500.000đ. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Trực Ninh đã thông báo cho cơ quan CSĐT - Công an huyện Hải Hậu biết để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Đại diện của Bị hại Phạm Văn L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm . Về hình phạt đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị hại là Đỗ Thị T vắng mặt tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Về hình phạt đề nghị Tòa án xem xét xử lý nghiêm đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

Cáo trạng số 40/CT-VKS-KSĐT ngày 12 tháng 6 năm 2018 của VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Phạm Đình G về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS. Tại phiên tòa: Đại diện VKSND huyện Trực Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt Phạm Đình G từ 24 – 30 tháng tù

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLHS: Truy thu sung quỹ Nhà nước 2000.000đ .

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trực Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ trực tiếp xâm hại tới quan hệ sở hữu - là quan hệ xã hội thuộc khách thể đã được BLHS ghi nhận và bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, để đảm bảo trật tự pháp luật, phòng ngừa chung tình hình tội phạm, việc áp dụng biện pháp trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là điều cần thiết để đảm bảo giáo dục, cải

tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tác dụng giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra.

Ngoài lời khai nhận của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản ghi lời khai người làm chứng; kết luận định giá tài sản.

Từ những chứng cứ nêu trên - HĐXX nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản vào các ngày 20, 25 tháng 3 năm 2018 của bị cáo Phạm Đình G đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" - Tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 173 BLHS.

Do vậy VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Phạm Đình G về tội "Trộm cắp tài sản" tại Cáo trạng số 40/CT-VKS-KSĐT ngày 12 tháng 6 năm 2018 của đã là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 điều 52 BLHS.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo đã gây ra, xét nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tác dụng giáo dục phòng ngừa chung tình hình tội phạm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Khi quyết định hình phạt cũng cần cấn nhắc tới tình tiết: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tác động để gia đình bồi thường và gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo - Để giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS - để vừa thể hiện tính nhân đạo, công bằng của pháp luật XHCN, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: HĐXX thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Chiếc xe máy Sirius biển số 18E1 - 05600 và chiếc xe máy Click BKS: 29L1 - 47017 CQCSĐT đã trả lại cho anh Phạm Văn L và chị Đỗ thị T.

Số tiền G vay của ông Phạm Văn N , G đã sử dụng hết, mẹ của G là bà Vũ Thị H đã nộp cho cơ quan điều tra 1.800.000 đồng để trả cho ông N.

Đối với các tài sản, giấy tờ mà bị cáo đã trộm cắp trong cốp xe của chị T là của bà Lương Thị B, bà B không yêu cầu G phải bồi thường.

Chị N, chị X là người đã mua chiếc xe Click BKS 29L1 - 04717 của G nhưng không biết đây là tài sản trộm cắp nên không phạm tội. Chị N không yêu cầu G bồi thường lại số tiền 2.000.000 đồng.

Ông Phạm Văn N và anh Phạm Văn D đã cho G gửi xe và vay 1.000.000 đồng nhưng không biết là tài sản trộm cắp nên không phạm tội. Số tiền G vay ông N 1.000.000 đồng sau khi bán xe G đã trả cho ông N.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, không ai có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Đối với Phan Văn L là người đứng ra mua chiếc xe Click BKS 29L1-04717 do G trộm cắp. G khai đã nói cho L biết là xe trộm cắp nhưng L vẫn dẫn cho chị N mua giúp chị X nhưng L không thừa nhận việc biết chiếc xe là tài sản do G trộm cắp. L khai vì nghe G nói là xe của em gái G do đã có xe mới muốn bán chiếc xe cũ nên L mua giúp chị X. Phan Văn L hiện đang tập trung cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện Xuân Trường nên nội dung này cơ quan CSĐT tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ, thu thập tài liệu để xử lý sau.

Đối với số tiền 2.000.000đ bị cáo đã chiếm hưởng trái phép căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự truy thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Về Vật chứng: Xét thấy việc xử lý vật chứng của CQCSĐT là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Đình G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Phạm Đình G 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 4 năm 2018.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự truy thu của Phạm Đình G 2.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

3. Án phí Hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo bị cáo Phạm Đình G phải nộp 200.000 đồng.

Bị cáo Phạm Đình G, đại diện của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc hoặc được tống đạt Bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Công an huyện: 2 bản;
- Chi cục THADS: 1 bản;
- UBND TT C : 1 bản
- Các bị hại
- Bị cáo: 1 bản;
- Hồ sơ vụ án 2 bản;
- Lưu: VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Chu Thái Hà